

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 02- 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Mộng C, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Chác, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Hoàng V, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Chác, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn Chị Trần Mộng C trình bày:

Chị và anh Phan Hoàng Vtự tìm hiểu quen biết nhau được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005 nhưng đến nay anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu chị và Anh Vchung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tánh tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau. Chị và Anh Vđã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và Anh Vcó hai con chung tên Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 19/12/2005 và Phan Trần Ngọc Hân, sinh ngày 01/12/2009, hiện các con do Chị Cnuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay Chị Ckhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Phan Hoàng V

Về con chung: Chị Cyêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con tên Phan Hoàng Phúc, sinh ngày: 19/12/2005 và Phan Trần Ngọc Hân, sinh ngày: 01/12/2009, không yêu cầu Anh Vphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 07/01/2020, biên bản hòa giải ngày 22/01/2020 và quá trình giải quyết vụ án:

Anh Vxác định lời trình bày của Chị Trần Mộng C về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là đúng.

Nay Chị Ckhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Vđồng ý giao hai con tên Phan Hoàng Phúc, sinh ngày: 19/12/2005 và Phan Trần Ngọc Hân, sinh ngày: 01/12/2009 cho Chị Ctiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Ckhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Vnên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Cvà Anh Vđều có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/01/2020 nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Cvà Anh Vchung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Chị Cvà Anh Vlà Anh Vđồng ý giao hai con cho Chị Cđược tiếp tục nuôi dưỡng. Mặc khác tại bản tự khai ngày 16/12/2019 cháu Phúc và cháu Hân có nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống với chị Cầm. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của anh, chị và nguyện vọng của cháu Phúc, cháu Hân là phù hợp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Chị Ckhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Anh Vcó quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Cvà Anh Vxác định vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cyêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008016 ngày 17/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Chị Trần Mộng C và anh Phan Hoàng V là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Cẩm, Anh V và nguyện vọng của cháu Phúc, cháu Hân. Chị C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con tên Phan Hoàng Phúc, sinh ngày: 19/12/2005 và Phan Trần Ngọc Hân, sinh ngày: 01/12/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh V có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm Chị C phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008016 ngày 17/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm